

**ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
NGHỀ THIẾT KẾ ĐỒ HỌA TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG**

1. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

Nhà trường đã bố trí, sắp xếp đủ số lượng phòng học lý thuyết, phòng/xưởng thực hành kèm theo thiết bị, dụng cụ đào tạo, cụ thể như sau:

a) Cơ sở vật chất dùng cho giảng dạy:

- Số phòng học lý thuyết chuyên môn: 27 phòng (tổng diện tích: 2430 m²);
- Số phòng, xưởng thực hành, thực tập: 07 phòng, xưởng (tổng diện tích: 486,7 m²).

b) Thiết bị, dụng cụ đào tạo dùng trong giảng dạy: Báo cáo thiết bị, dụng cụ đào tạo hiện có theo từng phòng, xưởng

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Minh chứng kèm theo (Hợp đồng cung cấp thiết bị số..., Biên bản kiểm kê năm....)
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
I	Phòng dạy lý thuyết				
1	Tivi	Cái	1	x	Biên bản kiểm kê năm 2024
2	Bàn ghế	Bộ	35	x	Biên bản kiểm kê năm 2024
3	Bảng	Cái	1	x	Biên bản kiểm kê năm 2024
4	Máy vi tính	Bộ	1	x	Biên bản kiểm kê năm 2024
5	Micro	Bộ	1	x	Biên bản kiểm kê năm 2024
II	Phòng thực hành cơ bản				
1	Tivi	Cái	1	x	Biên bản kiểm kê năm 2024



TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Minh chứng kèm theo (Hợp đồng cung cấp thiết bị số..., Biên bản kiểm kê năm....)
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
2	Hệ thống mạng lan	Bộ	1	x	Biên bản kiểm kê năm 2024
3	Máy vi tính	Bộ	20	x	Biên bản kiểm kê năm 2024
4	Máy in	Cái	1	x	Biên bản kiểm kê năm 2024
5	Micro	Cái	1	x	Biên bản kiểm kê năm 2024
III	Phòng thực hành chuyên môn nghề				
1	Máy vi tính	Bộ	20	x	Biên bản kiểm kê năm 2024
2	Micro	Cái	1	x	Biên bản kiểm kê năm 2024
3	Máy in 3D	Cái	1	x	Biên bản kiểm kê năm 2024
4	Máy in màu	Cái	1	x	Biên bản kiểm kê năm 2024
5	Hệ thống mạng lan	Bộ	1	x	Biên bản kiểm kê năm 2024
6	Máy in bạt	Cái	1	x	Biên bản kiểm kê năm 2025

2. Đội ngũ nhà giáo

a) Tổng số nhà giáo: 25 người (tương đương 20/1 nhà giáo quy đổi). Trong đó:

- Nhà giáo cơ hữu: 19 người.

- Nhà giáo thỉnh giảng: 06 người (tổng số giờ giảng dạy/năm: 1545 giờ/năm, tương đương 20/1 nhà giáo quy đổi).

- Cán bộ quản lý tham gia giảng dạy: 0 người (tổng số giờ giảng dạy/năm: 0 giờ/năm, tương đương 0/0 nhà giáo quy đổi).

b) Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/nhà giáo quy đổi: 20 học sinh, sinh viên/nhà giáo.

c) Chất lượng nhà giáo cơ hữu

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy
1	Nguyễn Anh Tuấn	Thạc sỹ	Sư phạm nghề	Chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia	Mạng máy tính, lắp ráp cài đặt máy tính, trí tuệ nhân tạo
2	Vũ Hoàng Long	Cử nhân	Sư phạm nghề		Mạng máy tính, lắp ráp cài đặt máy tính, thiết kế giao diện website
3	Nguyễn Minh Triết	Thạc sỹ	Sư phạm nghề	Chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia	Autocad, Mỹ thuật đa phương tiện, kỹ thuật dựng hình 3D, thiết kế công nghiệp 3D, trí tuệ nhân tạo
4	Lê Đình Ninh	Cử nhân	Sư phạm nghề	Chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia	Mạng máy tính, lắp ráp cài đặt máy tính, tin học, tin học nâng cao
5	Nông Kiều Trang	Thạc sỹ	Sư phạm nghề	Chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia	Xử lý ảnh cơ bản, đồ họa vector 1, đồ họa vector 2, mỹ thuật đa phương tiện, kỹ thuật chụp hình quay phim, thiết kế giao diện website, thiết kế đồ họa động, đồ họa thiết kế in ấn, kỹ thuật dựng hình 3D, kỹ thuật dựng phim, thiết kế công nghiệp 3D, trí tuệ nhân tạo, ứng dụng A.I trong thiết kế logo và bộ nhận diện thương hiệu
6	Đoàn Thị Kim Anh	Cử nhân	Sư phạm nghề	Chứng chỉ kỹ năng	Xử lý ảnh cơ bản, đồ họa vector 1, đồ họa vector 2, mỹ thuật đa phương tiện, kỹ thuật

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy
				nghề quốc gia	chụp hình quay phim, thiết kế giao diện website, thiết kế đồ họa động, đồ họa thiết kế in ấn, kỹ thuật dựng hình 3D, kỹ thuật dựng phim, thiết kế công nghiệp 3D
7	Hà Đỗ Hồng Phúc	Cử nhân	Sư phạm nghề		Mạng máy tính, lắp ráp cài đặt máy tính, thiết kế giao diện website
8	Nguyễn Tấn Quốc Khánh	Cử nhân	Sư phạm nghề		Mạng máy tính, lắp ráp cài đặt máy tính, thiết kế giao diện website
9	Trần Thế Thành	Cử nhân	Sư phạm nghề		Mạng máy tính, lắp ráp cài đặt máy tính, tin học, tin học nâng cao, Autocad
10	Nguyễn Minh Lợi	Thạc sĩ	Sư phạm nghề		Xử lý ảnh cơ bản, đồ họa vector 1, đồ họa vector 2, mỹ thuật đa phương tiện, kỹ thuật chụp hình quay phim, thiết kế giao diện website, thiết kế đồ họa động, đồ họa thiết kế in ấn, kỹ thuật dựng hình 3D, kỹ thuật dựng phim, thiết kế công nghiệp 3D, trí tuệ nhân tạo, ứng dụng A.I trong thiết kế logo và bộ nhận diện thương hiệu
11	Hồ Phong Lưu	Cử nhân	Sư phạm nghề		Xử lý ảnh cơ bản, đồ họa vector 1, đồ họa vector 2, mỹ thuật đa phương tiện, kỹ thuật chụp hình quay phim, thiết kế giao diện website, đồ họa thiết kế in ấn, kỹ thuật dựng hình 3D, kỹ thuật dựng phim, thiết kế công nghiệp 3D, Autocad

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy
12	Lý Tú Thanh	Thạc sỹ	Sư phạm nghề		Tiếng Anh, Tiếng Anh nâng cao
13	Đinh Thị Minh	Thạc sỹ	Sư phạm nghề		Tiếng Anh, Tiếng Anh nâng cao
14	Trần Nguyên Đông	Thạc sỹ	Sư phạm nghề		Giáo dục chính trị, pháp luật
15	Nguyễn Thị Phương Chi	Thạc sỹ	Sư phạm nghề		Giáo dục chính trị, pháp luật
16	Phạm Thanh Hùng Buôn Ya	Cử nhân	Sư phạm nghề		Giáo dục thể chất
17	Lâm Phước Lộc	Cử nhân	Sư phạm nghề		Tiếng Anh, Tiếng Anh nâng cao
18	Trần Mạnh Hồng	Cử nhân	Sư phạm nghề		Giáo dục thể chất
19	Lê Văn Hải	Cử nhân	Sư phạm nghề		Kỹ năng mềm, an toàn lao động

d) Chất lượng nhà giáo thỉnh giảng (nếu có)

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
1	Nguyễn Thị Thùy Linh	Cử nhân	Sư phạm nghề	Chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia	Autocad, kỹ thuật chụp hình quay phim	270
2	Nông Bích Ngọc	Cử nhân	Đại học Sư phạm		Thiết kế giao diện website, thiết kế đồ họa động,	180
3	Lê Huỳnh Nam	Cử nhân	Sư phạm nghề		Đồ họa, Xử lý ảnh cơ bản, đồ họa vector 2	645
4	Huỳnh Thị Thúy Kiều	Thạc sĩ	Sư phạm nghề		Mỹ thuật đa phương tiện, kỹ thuật dựng phim	0
5	Nguyễn Hùng	Cử nhân	Sư phạm nghề		Nguyên lý thiết kế, thiết kế tạo hình nhân vật 3D	450
6	Nguyễn Thành Luân	Cử nhân	Sư phạm nghề		Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Access, đồ họa, tin học, tin học nâng cao	0

3. Chương trình đào tạo

- Tên chương trình đào tạo: Thiết kế đồ họa, trình độ cao đẳng
- Quyết định ban hành chương trình đào tạo số: 456/QĐ-TCĐNVS, ngày 02 tháng 06 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề Việt Nam – Singapore.
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
- Thời gian đào tạo: 3 năm
- Văn bằng, chứng chỉ cấp cho người học: Kỹ sư thiết kế đồ họa
- Nội dung chương trình

Mã MH, MD	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung	19	435	148	264	23
MH 01	Giáo dục chính trị	5	75	60	10	5
MH 02	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH 03	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	3	75	15	56	4
MH 05	Tin học	3	75	15	58	2
MH 06	Tiếng Anh	4	120	35	79	6
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	94,5	2310,0	702,0	1523,0	85,0
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	28,0	510	267	214	29
MH 07	Kỹ năng mềm	2,0	30	15	13	2
MH 08	Tiếng Anh nâng cao	6,0	120	60	54	6
MH 09	An toàn lao động	2,0	30	27	0	3
MH 10	Vẽ kỹ thuật	3,0	45	30	13	2
MD 11	Tin học nâng cao	3,0	60	30	27	3
MD 12	Mạng máy tính	3,0	60	30	27	3
MH 13	Mỹ thuật cơ bản	3,0	45	30	12	3

MĐ 14	Lắp ráp cài đặt máy tính	4,0	90	30	55	5
MĐ 15	Nguyên lý thiết kế	2,0	30	15	13	2
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	33,0	705,0	285,0	385,0	35,0
MĐ 16	Vẽ kỹ thuật cơ bản (Autocad 2D, 3D)	4,0	90	30	55	5
MĐ 17	Xử lý ảnh cơ bản (Adobe Photoshop)	4,0	90	30	55	5
MĐ 18	Mỹ thuật đa phương tiện (Adobe Amimate)	3,0	60	30	27	3
MĐ 19	Đồ họa vector 1 (Corel Draw)	4,0	75	45	27	3
MĐ 20	Kỹ thuật chụp hình, quay phim	3,0	75	15	57	3
MĐ 21	Đồ họa vector 2 (Adobe Illusstrator)	4,0	75	45	27	3
MĐ 22	Thiết kế giao diện website (Adobe Dreamweaver)	4,0	90	30	55	5
MĐ 23	Thiết kế đồ họa động (Adobe After Effect)	4,0	90	30	55	5
MĐ 24	Đồ họa thiết kế in ấn (Adobe InDesign)	3,0	60	30	27	3
II.3	Môn học, mô đun tự chọn, nâng cao	33,5	1095,0	150,0	924,0	21,0
MĐ 25	Trí tuệ nhân tạo	1,5	30,0	15,0	12,0	3,0
MĐ 26	Kỹ thuật dựng phim (Adobe Premiere)	4,0	90	30	55	5
MĐ 27	Kỹ thuật dựng hình (3DS MAX)	4,0	90	30	55	5
MĐ 28	Kỹ thuật in ấn	2,0	45	15	28	2

MĐ 29	Thiết kế công nghiệp 3D (Autodesk Inventor)	3,0	60	30	27	3
MĐ 30	Ứng dụng A.I trong thiết kế logo & hệ thống nhận diện thương hiệu	3,0	60	30	27	3
MĐ 31	Thực hành tại doanh nghiệp	8,0	360	0	360	
MĐ 32	Thực tập tốt nghiệp	8,0	360	0	360	
	TỔNG CỘNG	114	2745	850	1787	108

4. Về giáo trình, tài liệu giảng dạy

Quyết định số 831/QĐ-TCĐNVS, ngày 30 tháng 09 năm 2025 về việc ban hành/ lựa chọn giáo trình đưa vào sử dụng.

Danh mục giáo trình bao gồm: Tác giả, tên giáo trình, nơi xuất bản, năm xuất bản

TP Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 10 năm 2025

TRƯỞNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Anh Tuấn



Trần Hùng Phong

